

Bảng dữ liệu sản phẩm

1139 Series — SERIES 39 LOẠI CÀNG THÔNG DỤNG (Chuẩn Mỹ)

Bánh xe cao su Đường kính bánh xe × chiều rộng bánh xe 100 x 30.5mm

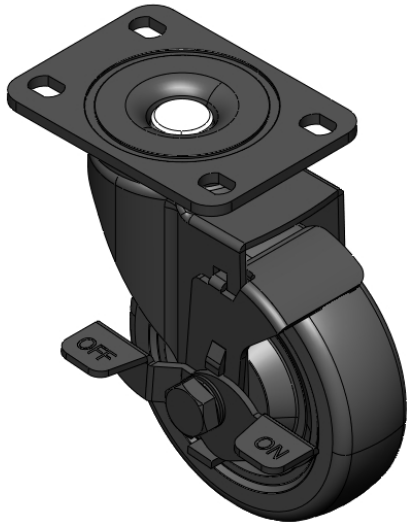
EAN

YJ-11390400064014

Bánh xe có phanh bên và hệ thống khóa. Chân máy dập định tán tẩm đầy —Lỗ nâng cao  
Thiết bị lắp đặt mạ điện bề mặt, tẩm đầy (4T)  
Lõi bánh xe bằng nhựa nhiệt dẻo, bề mặt bánh xe bằng cao su đàn hồi chất lượng cao  
Bánh xe—loại ống giữa

Bề mặt bánh xe: cao su đàn hồi chất lượng cao  
Lõi bánh xe: Nhựa nhiệt dẻo (PA6)

Mô tả sản phẩm chỉ mang tính chất tham khảo. Sản phẩm thực tế sẽ được ưu tiên.



Hình ảnh có thể khác với sản phẩm gốc

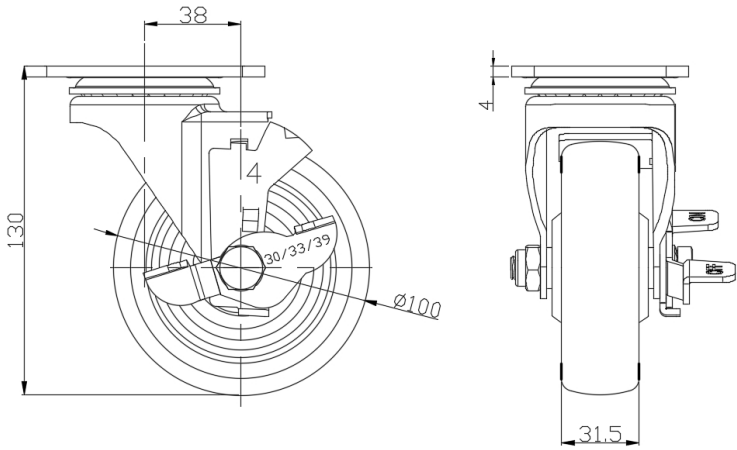
Quy cách chi tiết sản phẩm

|                                                                           |                             |
|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|
| <input checked="" type="radio"/> đơn vị mét <input type="radio"/> đế quốc |                             |
| Đường kính bánh xe                                                        | 100mm                       |
| Chiều rộng bánh xe                                                        | 30.5mm                      |
| vòng bi bánh xe                                                           | Bánh xe đi kèm với ống giữa |
| Quy cách tẩm lắp                                                          | 95 x 65mm                   |
| khoảng cách các lỗ trên tẩm nền                                           | 75 x 45mm                   |
| Khoảng cách các lỗ lắp                                                    | 12 x 9mm                    |
| Độ lệch tâm                                                               | 38mm                        |
| Sự can thiệp quay                                                         | 176mm                       |
| Tổng chiều cao                                                            | 130mm                       |
| Bán kính xoay                                                             | 88mm                        |
| Độ cứng                                                                   | 80±5° Shore A               |
| Tải trọng (động)                                                          | 100kgs                      |
| Tải trọng (tĩnh)                                                          | 200kgs                      |
| Nhiệt độ                                                                  | -20°C to +120°C             |
| Càng bánh xe                                                              | Khóa bên                    |
| Thép không gỉ                                                             | N/A                         |
| Dẫn điện                                                                  | N/A                         |
| Chống tĩnh điện                                                           | N/A                         |
| Trọng lượng bánh xe đẩy                                                   | 1.01kgs                     |
| Tiêu chuẩn kiểm nghiệm                                                    | ISO22883                    |

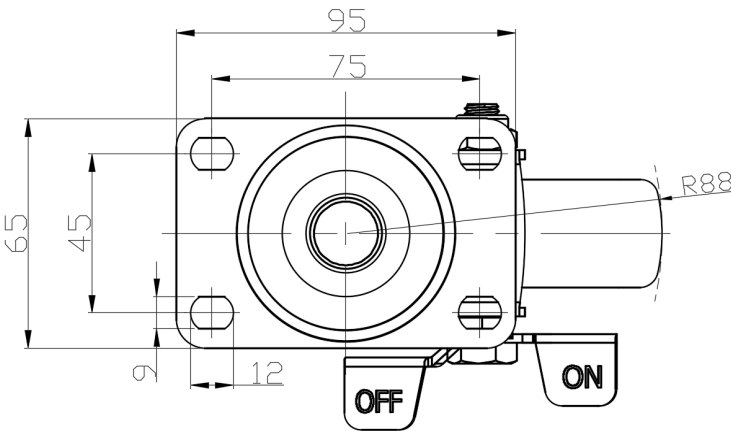
Tổng quan ưu điểm

|                      |                                                                                                                                                           |
|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Độ di chuyển mượt mà | <input checked="" type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/>            |
| Chế độ im lặng       | <input checked="" type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> |
| Bảo vệ mặt sàn       | <input checked="" type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> |

Bản vẽ 2D kích thước bánh xe đẩy



Bản vẽ 2D kích thước tẩm lắp



\* Nếu có bất kỳ sai lệch nào giữa thông số hệ mét và thông số hệ inch, vui lòng tham khảo thông số hệ mét